



Review Article

Removing Legal Hurdles in Registration of Contracts for the Transfer of Patent Rights to Foster Innovation

Phan Quoc Nguyen*

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 15 December 2020

Revised 4 June 2021; Accepted 16 November 2021

Abstract: Business environment improvement in support for the development of enterprises (such as innovative startups particularly) has attracted attention in Vietnam. Patent is a tool, important asset which is crucial for the success of innovative startups. However, one of the big hurdles for the commercialization of intellectual assets for enterprises in Vietnam is the administrative procedure for the registration of patent licensing/assignment agreements. The paper analyses difficulties and hurdles for business environment as a result of the required legally registration for patent licensing/assignment agreements, then recommend the solutions for relieve this hurdle.

Keywords: Patent, contracts for transfer of industrial property rights, registration.

* Corresponding author.

E-mail address: pqnguyen77@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4338>

Xóa bỏ rào cản pháp lý trong việc đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo

Phan Quốc Nguyên*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 15 tháng 12 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 4 tháng 6 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 11 năm 2021

Tóm tắt: Cải thiện môi trường kinh doanh nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển (đặc biệt các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo) đang là vấn đề được quan tâm tại Việt Nam. Sáng chế là một công cụ, tài sản quan trọng quyết định sự thành công của nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, một trong những cản trở lớn đối với việc thương mại hóa tài sản trí tuệ hiện nay đối với các doanh nghiệp tại Việt Nam, là thủ tục hành chính trong việc đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) đối với sáng chế. Bài viết phân tích những khó khăn, rào cản trong môi trường kinh doanh do thủ tục pháp lý đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế sau đó đề xuất, kiến nghị giải pháp tháo gỡ khó khăn này.

Từ khóa: Sáng chế, hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, đăng ký.

1. Khái quát về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

1.1 Khái niệm chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

Sáng chế đóng vai trò quan trọng trong quá trình đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế-xã hội và ngày càng quan trọng trong nền kinh tế có tính cạnh tranh cao. Quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền SHCN bao gồm cả quyền SHCN đối với sáng chế nói riêng đương nhiên mang bản chất thương mại. Do vậy, sử dụng và khai thác thương mại hợp lý loại tài sản này không những tạo động lực cho việc nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo mà còn làm gia tăng thu nhập cho doanh nghiệp, thu hút nguồn vốn đầu tư, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, góp phần tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Hiện không có một định nghĩa chuẩn, chính thức nào về chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế. Không phải ai cũng hiểu rõ nội hàm của việc chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế. Chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế thường được hiểu là một trong hai hành vi: chuyển nhượng quyền sở hữu đối với sáng chế và chuyển giao quyền sử dụng sáng chế.

1.2 Các hình thức chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

Theo Luật Sở hữu Trí tuệ (SHTT) hiện hành [1], chuyển giao quyền SHCN nói chung và chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế nói riêng bao gồm chuyển nhượng quyền SHCN và chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN.

Theo Điều 138, Luật SHTT, chuyển nhượng quyền SHCN là việc chủ sở hữu quyền SHCN chuyển giao quyền sở hữu của mình cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng quyền SHCN

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: pqnguyen77@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4338>

phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản.

Theo Điều 141, Luật SHTT, chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN (Li-xăng SHCN) [2] là việc chủ sở hữu đối tượng SHCN cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng đối tượng SHCN thuộc phạm vi quyền sử dụng của mình. Việc chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản.

1.3 Ý nghĩa của việc chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

Chủ sở hữu sáng chế có thể tự mình khai thác sáng chế để thu lợi ích. Tuy nhiên, trên thực tế, chủ sở hữu ít khi có đủ nguồn lực về kinh tế, tài chính, cơ sở vật chất, nhân lực, v.v.... để hoàn toàn tự mình khai thác thương mại sáng chế thông qua việc áp dụng sáng chế vào sản xuất, phân phối và bán sản phẩm. Nhằm thực hiện các hành vi như sản xuất sản phẩm được bảo hộ; áp dụng quy trình được bảo hộ và khai thác công dụng của sản phẩm được bảo hộ hoặc sản phẩm được sản xuất theo quy trình được bảo hộ, phần lớn chủ sở hữu sáng chế thường thực hiện quyền định đoạt (chuyển nhượng quyền sở hữu) hoặc quyền cho phép người khác sử dụng (chuyển giao quyền sử dụng) sáng chế của mình cho người khác thông qua hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc hợp đồng li-xăng sáng chế.

Các quy định về chuyển giao quyền SHCN cho thấy chúng ta đã chú trọng đến khía cạnh thương mại, quyền tài sản của sáng chế cũng như sự vận động của tài sản trí tuệ này trên thị trường với tư cách là một “hàng hóa đặc biệt”.

2. Rào cản từ thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

Ngoài điều kiện về hình thức và nội dung, một trong những điều kiện để hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế (bao gồm 02 loại: hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu sáng chế và hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng hoặc là hợp đồng li-xăng sáng chế) có hiệu lực

là hợp đồng đã được giao kết cần phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Theo Điều 148, Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) hiện hành, hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế chỉ có hiệu lực khi đã được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN là Cục SHTT [3].

Tuy nhiên, hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng hoặc hợp đồng li-xăng sáng chế lại có hiệu lực theo thoả thuận giữa các bên, nhưng chỉ có giá trị pháp lý đối với bên thứ ba khi đã được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN là Cục SHTT. Tất nhiên, hợp đồng li-xăng sáng chế mặc nhiên bị chấm dứt hiệu lực nếu quyền SHCN đối với sáng chế của bên giao bị chấm dứt.

Có thể nhận thấy rằng, đây là những quy định pháp lý mới có phần tiến bộ so với quy định cũ có liên quan về SHCN trước đó là Nghị định số 63/CP [4] và Luật SHTT năm 2005. Theo các văn bản pháp quy này, tất cả các loại hợp đồng chuyển giao quyền SHCN phải được đăng ký với Cục SHTT mới có hiệu lực. Thậm chí, những hợp đồng chuyển giao quyền SHCN có một bên bất kỳ là tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc có một bên là tổ chức, doanh nghiệp Nhà nước, có vốn đầu tư của Nhà nước phải thực hiện cả hai nghĩa vụ là đăng ký và được phê duyệt mới có hiệu lực.

Việc pháp luật về SHCN của Việt Nam có những quy định về việc đăng ký, thậm chí phê duyệt, hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế để hạn chế tình trạng bên chuyển nhượng (tại quốc gia phát triển) áp đặt những điều kiện bất lợi cho bên nhận chuyển nhượng (tại quốc gia đang phát triển) bằng những điều khoản, ví dụ như điều khoản bắt buộc bên nhận phải mua kèm với sáng chế các nguyên vật liệu, các sản phẩm không cần thiết hoặc điều khoản hạn chế cách thức sử dụng sản phẩm,...

Quy định này phù hợp với quy định pháp lý của nhiều nước đang phát triển trên thế giới đã từng làm như Ác-hen-ti-na, Ấn Độ, Brazil, Đài Loan, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Thái Lan, Trung Quốc [5],...

Tuy nhiên, quy định pháp lý hiện hành của Việt Nam về việc đăng ký hợp đồng chuyển giao

quyền SHCN đối với sáng chế vẫn còn một số bất cập như sau:

Thứ nhất, Luật SHTT yêu cầu hợp đồng li-xăng sáng chế phải được đăng ký mới có hiệu lực với bên thứ ba có phần trái với nguyên tắc của luật dân sự khi phân biệt hiệu lực của hợp đồng li-xăng sáng chế với các chủ thể khác nhau là khác nhau. Về nguyên tắc, hiệu lực của hợp đồng li-xăng phải thống nhất với tất cả các bên và Nhà nước cũng phải tôn trọng một khi hợp đồng có hiệu lực chứ không thể cùng một hợp đồng lại có hiệu lực đối với các bên khi giao kết nhưng lại chỉ có hiệu lực với bên thứ ba khi đã đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thứ hai, có thể thấy rằng, việc Nhà nước yêu cầu các hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế và chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN là sáng chế phải đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền thể hiện quyết tâm kiểm soát hoạt động chuyển nhượng quyền sở hữu và chuyển giao quyền sử dụng đối với sáng chế. Trong hoàn cảnh của Việt Nam hiện nay, khi Việt Nam thường là bên nhận sáng chế, thì việc pháp luật Việt Nam đưa ra quy định này phần nào cũng là cần thiết. Tuy nhiên, các quy định pháp luật về trình tự và thủ tục hành chính đăng ký có thể làm cho bên chuyển giao sáng chế (thường là bên nước ngoài) ngần ngại chuyển giao vì sợ tốn nhiều thời gian chuẩn bị hồ sơ và thực hiện thủ tục đăng ký hợp đồng này.

Hồ sơ và thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế được quy định chi tiết trong Điều 149, Luật SHTT, Điều 26, Nghị định số 103/2006/NĐ-CP [6] và Điều 47.2, Thông tư 01/2007/TT-BKHHCN [7].

Theo quy định pháp lý hiện hành, hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế bao gồm:

- a) 02 bản Tờ khai đăng ký theo mẫu quy định;
- b) 02 bản hợp đồng (Bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng); nếu hợp đồng làm bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt thì phải dịch ra tiếng Việt, hợp đồng có nhiều trang thì phải có chữ ký của các bên vào từng trang hoặc đóng dấu giáp lai;
- c) Bản gốc đối với trường hợp chuyển nhượng quyền SHCN đối với sáng chế; bản sao văn bằng bảo hộ hoặc bản sao giấy chứng nhận

đăng ký hợp đồng li-xăng độc quyền (nếu là hợp đồng li-xăng thứ cấp);

d) Văn bản đồng ý của (các đồng) chủ sở hữu, văn bản giải trình lý do không đồng ý của bất kỳ đồng chủ sở hữu nào về việc chuyển giao quyền nếu quyền SHCN đối với sáng chế thuộc sở hữu chung;

e) Chứng từ nộp phí, lệ phí;

f) Giấy uỷ quyền nếu nộp hồ sơ thông qua đại diện. Tùy theo sự thoả thuận giữa hai bên, Bên giao và Bên nhận phải đứng tên đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế hoặc Hợp đồng li-xăng sáng chế. Bên đứng tên nộp Hồ sơ đề nghị đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế có thể uỷ quyền cho Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN đủ điều kiện hành nghề tiến hành việc nộp hồ sơ. Mẫu Tờ khai đề nghị đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế hoặc hợp đồng li-xăng sáng chế sẽ do Cục SHTT cung cấp miễn phí cho người nộp hồ sơ.

Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế sẽ được thực hiện theo các trình tự như sau:

- Trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày nộp, Hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế hoặc hợp đồng li-xăng sáng chế được thẩm định về hình thức và nội dung theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp Hồ sơ có thiếu sót, người nộp Hồ sơ sẽ được gửi Thông báo kết quả xem xét Hồ sơ, trong đó nêu rõ thiếu sót và dự định từ chối đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế hoặc hợp đồng li-xăng sáng chế và ấn định thời hạn 02 tháng để người nộp hồ sơ sửa chữa các thiếu sót, hoặc 03 tháng để phản đối dự định từ chối đăng ký Hợp đồng.

- Hợp đồng được ghi nhận vào sổ Đăng ký quốc gia về SHCN; người nộp hồ sơ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng. Nếu trong thời hạn được ấn định, Người nộp hồ sơ không sửa chữa các thiếu sót đạt yêu cầu hoặc không có lý do xác đáng để phản đối dự định từ chối đăng ký thì hồ sơ coi như bị hủy bỏ. Người nộp hồ sơ có quyền khiếu kiện Thông báo từ chối đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế hoặc hợp đồng li-xăng sáng chế theo trình tự, thủ

tục khiếu nại, khởi kiện hành chính. Trường hợp Hồ sơ đáp ứng các yêu cầu quy định hoặc trường hợp Hồ sơ có thiếu sót nhưng Người nộp Hồ sơ sửa chữa các thiếu sót đạt yêu cầu trong thời hạn quy định, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế hoặc hợp đồng li-xăng sáng chế được ghi nhận vào sổ Đăng ký quốc gia về SHCN; người nộp hồ sơ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế hoặc hợp đồng li-xăng sáng chế kèm theo 01 bản Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế hoặc Hợp đồng li-xăng sáng chế đã được đóng dấu đăng ký.

- Quyết định đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế hoặc hợp đồng li-xăng sáng chế được công bố trên Công báo SHCN.

Trong trường hợp hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế hoặc hợp đồng li-xăng sáng chế là một bộ phận của hợp đồng khác ví dụ như hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng mua bán thiết bị, hợp đồng CGCN thì nội dung liên quan đến chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế phải được lập thành một phần riêng và phải đăng ký tại Cục SHTT theo hồ sơ, thủ tục và trình tự tương tự như trên. Mọi sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, gia hạn hợp đồng chính phải được lập thành văn bản và phải được đăng ký như hợp đồng chính. Việc chuyển giao quyền của mỗi bên trong hợp đồng đã đăng ký cho bên thứ ba (ví dụ như việc thừa kế, sáp nhập,...) cũng phải được đăng ký. Có thể thấy rằng, bất kỳ việc chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế nào đều phải lập thành hợp đồng độc lập, tách rời hợp đồng chính và hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế đó phải được đăng ký tại Cục SHTT nên cũng mất khá nhiều thời gian của các bên giao kết hợp đồng.

Thứ ba, có sự phân biệt về sự ưu đãi trong quy định của pháp luật hiện hành giữa hợp đồng chuyển giao quyền SHCN và hợp đồng chuyển giao công nghệ (CGCN). Hiện đang có sự phân biệt giữa hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế và hợp đồng CGCN. Đây là sự cố ý tách biệt hai loại hợp đồng của các nhà làm luật để phục vụ cho việc quản lý hành chính nhà nước.

Trên thực tế, CGCN chủ yếu là việc chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế, đặc biệt là li-xăng sáng chế. Các hợp đồng CGCN thông thường bao hàm các nội dung, điều khoản chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế. Việc chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế bắt buộc phải lập thành hợp đồng và gần như bắt buộc phải đăng ký tại Cục SHTT nhưng việc đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế hiện không đem lại bất cứ một ưu đãi nào cho các bên giao kết hợp đồng theo quy định của pháp luật về SHCN hiện hành.

Hợp đồng Chuyển giao Công nghệ (CGCN) trên thực tế cũng phải đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cụ thể, Theo khoản 1, Điều 31 về Đăng ký chuyển giao công nghệ, Luật CGCN hiện hành [11], các bên tham gia giao kết hợp đồng CGCN phải đăng ký hợp đồng CGCN tại cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ (KH-CN) có thẩm quyền (là Bộ KH-CN hoặc Sở KH-CN) đối với các hoạt động a) CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam; b) CGCN từ Việt Nam ra nước ngoài; c) CGCN trong nước có sử dụng vốn Nhà nước hoặc ngân sách Nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH-CN.

Tuy nhiên, việc đăng ký hợp đồng CGCN tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền lại làm phát sinh một số ưu đãi, ví dụ như ưu đãi về các loại thuế khác nhau, về sử dụng đất đai, về chuyển ngoại tệ ra nước ngoài tại một số văn bản pháp quy khác,...), quyền lợi cho các bên giao kết hợp đồng. Theo Điều 39, Luật CGCN, những đối tượng sau đây được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế:

a) Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, vật mẫu, công nghệ trong nước chưa tạo ra được nhập khẩu để sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, giải mã, đổi mới công nghệ, CGCN; tài liệu, sách báo khoa học phục vụ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, phát triển doanh nghiệp KH-CN;

b) Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH-CN [8], tổ chức, cá nhân đầu tư và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức trung gian của thị trường KH-CN có thu nhập từ hoạt động cung ứng dịch vụ CGCN;

c) Tổ chức, cá nhân CGCN từ Việt Nam ra nước ngoài; tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, CGCN, giải mã công nghệ tại doanh nghiệp;

d) Tổ chức, cá nhân CGCN khuyến khích chuyển giao.

Tóm lại, cùng là một dạng hoạt động thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ và đều là những hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế, nhưng việc đăng ký hợp đồng CGCN là quyền lợi còn việc đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế lại là nghĩa vụ. Sự phân biệt đối xử này dẫn đến kết quả là số lượng hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế đăng ký tại Cục SHTT rất khiêm tốn trong thời gian qua. Theo thống kê chính thức của Cục SHTT, số lượng hợp đồng sáng chế được chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng được ghi nhận rất ít so với tiềm năng, không vượt qua 2 con số [9]. Tương tự, các hợp đồng CGCN đăng ký và được phê duyệt chủ yếu là các hợp đồng chuyển giao bí quyết kỹ thuật, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật trong khi các hợp đồng CGCN kèm theo sáng chế thì lại rất ít. Ví dụ, trong giai đoạn 2003-2008, cũng chỉ có tổng số 276 hợp đồng CGCN được đăng ký tại Bộ KHCN, trong đó chỉ có 5 sáng chế là đối tượng công nghệ được chuyển giao (chiếm tỷ lệ 1,81%) [10].

Thứ tư, việc phân biệt đối xử hai loại hợp đồng nói trên cho thấy sự không công bằng. Quy định pháp lý về SHCN và CGCN hiện hành cũng tạo ra thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp, làm nản lòng các bên giao kết hợp đồng. Bên chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế thường là bên nước ngoài khi phải thực hiện việc tách hai loại hợp đồng (hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế với hợp đồng CGCN) và đăng ký độc lập hai loại hợp đồng này tại hai cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác nhau theo quy định của pháp luật đối với một số trường hợp hoặc để có thể được hưởng các ưu đãi theo quy định của pháp luật đối với một số trường hợp khác.

Thứ năm, các quy định pháp luật hiện hành về trình tự và thủ tục hành chính liên quan đến việc thẩm định và cấp phép CGCN có thể làm

cho bên chuyển giao sáng chế (thường là bên nước ngoài) ngần ngại chuyển giao không chỉ vì sợ tốn nhiều thời gian, mất nhiều chi phí mà đặc biệt là vì sợ bị rò rỉ thông tin bí mật. Khác với công nghệ thuộc Danh mục khuyến khích chuyển giao, hợp đồng CGCN này nếu đăng ký sẽ được hưởng một số ưu đãi, còn đối với công nghệ thuộc Danh mục hạn chế chuyển giao, việc CGCN này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về KHCN là Bộ KHCN (theo quy định tại Điều 52 của Luật CGCN) thẩm định, cấp phép. Do vậy, việc chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế là công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao và là một phần của hợp đồng CGCN đòi hỏi việc đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế đó tại Cục SHTT cùng lúc với việc xin cấp phép CGCN tại Bộ KHCN.

Trong hơn một thập kỷ trở lại đây, việc CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam được coi như quá trình “song sinh” với hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Tuy vậy, công tác quản lý, kiểm soát hoạt động CGCN nói chung và hoạt động chuyển giao quyền SHCN với sáng chế nói riêng vẫn chưa tạo ra sự khuyến khích đầu tư, phát triển và đổi mới công nghệ tiên tiến theo đúng chủ trương của Việt Nam. Việc đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế phải chăng chỉ mang tính hình thức hoặc chỉ là quá trình “làm thủ tục” cho việc CGCN? Hình thức ở chỗ gần như mọi hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế phải được đăng ký và phải trải qua quá trình xét duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. “Làm thủ tục” ở chỗ quá trình xem xét kỹ lưỡng, xét duyệt mất khá nhiều thời gian, thậm chí cần phải có sự can thiệp của các nhà tư vấn có quan hệ tốt với chính quyền và đương nhiên là làm tốn thêm kinh phí của các bên giao kết hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế.

Trong trường hợp sáng chế là công nghệ thuộc danh mục hạn chế chuyển giao, đồng ý rằng việc hạn chế công nghệ làm ảnh hưởng môi trường hoặc việc ngăn cản đưa vào trong hợp đồng các điều khoản hạn chế cạnh tranh là cần thiết nhưng thủ tục xét duyệt khá lâu do phải làm thủ tục cho cả hai loại hợp đồng một lúc tại các

cơ quan quản lý khác nhau. Điều này cho thấy quy định pháp lý của chúng ta về vấn đề này vẫn chưa phù hợp thông lệ quốc tế. Do vậy, mỗi năm tổng số hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu và hợp đồng li-xăng sáng chế/giải pháp hữu ích được thực hiện thành công cũng chỉ khoảng 20 - 30 hợp đồng, quá nhỏ so với tiềm năng.

Liên quan đến việc khai thác thương mại đối với sáng chế qua kênh CGCN, kể từ khi thực hiện chính sách mở cửa, Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987 và Pháp lệnh về CGCN năm 1988 được ban hành không chỉ nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, mà thông qua đó, Chính phủ còn muốn tạo cơ hội để các nhà đầu tư chuyển giao vào Việt Nam những kỹ thuật và công nghệ tiên tiến của thế giới. Tuy nhiên, hoạt động CGCN lại phát triển không như mong muốn. Như phân tích ở trên, có quá ít hợp đồng CGCN được phê duyệt hoặc đăng ký, số lượng hợp đồng CGCN có kèm chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế không đáng kể.

Ngoài ra, phần lớn các hợp đồng CGCN này được thực hiện giữa công ty mẹ nước ngoài và công ty con Việt Nam hoàn toàn do các công ty nước ngoài sở hữu mà không có sự tham gia của các bên liên doanh hay công ty Việt Nam. Mục đích của CGCN thường chỉ nhằm chuyển lợi nhuận về công ty mẹ của nước ngoài. Xu hướng chuyển từ công ty liên doanh sang công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài đã và đang tiếp tục diễn ra. Hơn nữa, các hợp đồng CGCN giữa công ty mẹ và công ty con này chỉ là các công nghệ đơn giản như pha chế xà phòng, lắp ráp tivi, xe hơi hay xe máy trong khi các bán thành phẩm và phụ tùng phần lớn đều ngoại nhập. Có rất ít sản phẩm công nghệ được xuất khẩu từ Việt Nam.

3. Kết luận và kiến nghị

Từ phân tích và minh chứng ở trên, nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt khi Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới CPTPP, EVFTA chúng ta cần xóa bỏ yêu cầu về thủ tục bắt buộc phải đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế và bắt buộc phải đăng ký hợp đồng

chuyển giao quyền sử dụng sáng chế mới có hiệu lực với bên thứ ba. Điều này là phù hợp nguyên tắc tự do hợp đồng. Việc bắt buộc đăng ký chỉ áp dụng đối với những sáng chế/công nghệ nhạy cảm có thể ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, môi trường, sức khỏe, dinh dưỡng của người dân.

Có thể thấy rằng điều kiện CGCN nói chung và chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế vào Việt Nam vẫn còn khó khăn và phức tạp, trái hẳn với xu hướng luật pháp của nhiều nước ASEAN là ngày một đơn giản và thông thoáng hơn. Đúng là vào những năm 1970 và 1980 của thế kỷ trước, vì nhiều lý do khác nhau, một số quốc gia đang phát triển đã đưa ra các quy định pháp lý nhằm kiểm soát việc CGCN và li-xăng quyền SHCN đối với sáng chế.

Kinh nghiệm cho thấy việc áp đặt kiểm soát của Nhà nước đã làm giới hạn hoạt động CGCN vào các quốc gia này. Các nước áp dụng các giới hạn nghiêm ngặt nhất thông thường là những quốc gia kém phát triển nhất trong khi các nước không áp đặt nhiều sự kiểm soát và giới hạn đã thu hút nhiều hơn sự CGCN và li-xăng sáng chế từ các quốc gia công nghiệp phát triển vì đã đánh giá thấp giá trị của tài sản trí tuệ. Tuy nhiên, một số nước vẫn yêu cầu việc xét duyệt nhưng chỉ đối với những trường hợp công nghệ nhạy cảm, ví dụ như công nghệ có ý nghĩa quan trọng về mặt quân sự, quốc phòng, môi trường hoặc sức khỏe.

Lấy ví dụ trường hợp của Trung Quốc. Nước này đã áp dụng những quy định pháp lý nhằm kiểm soát chặt chẽ, nghiêm ngặt hoạt động CGCN và li-xăng sáng chế từ những năm 1980 nhưng đã tự do hóa hệ thống của mình từ đầu những năm 2000. Điều 5 và Điều 17, Lệnh của Hội đồng Nhà nước Trung Quốc số 331, có hiệu lực ngày 01/01/2002 [11] đã cho phép tự do li-xăng quyền SHCN và CGCN. Cụ thể, Điều 17 của văn bản nói trên quy định rằng hợp đồng li-xăng có hiệu lực kể từ ngày ký, không phải ngày đăng ký. Rõ ràng, thực tế cho thấy quyết định tự do hóa CGCN và chuyển giao quyền SHCN của Trung Quốc đã tạo ra những điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài tốt hơn Việt Nam.

Hiện nay, khi mà Luật SHTT đang được sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình

mới, tăng cường sức cạnh tranh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tác giả xin kiến nghị bãi bỏ yêu cầu bắt buộc phải đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế đề hợp đồng có hiệu lực.

Nếu các quy định pháp lý hiện hành về đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế không được sửa đổi, hoạt động CGCN và chuyển giao quyền SHCN đối với sáng chế sẽ tiếp tục kìm hãm nền kinh tế và làm giảm khả năng phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ của Việt Nam. Nếu các quy định này không được cải thiện sẽ làm giảm sức hấp dẫn của môi trường kinh doanh, không khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài mang công nghệ cũng như quyền SHCN đối với sáng chế có giá trị vào Việt Nam do họ không nhận được giá trị công bằng từ công nghệ cũng như quyền SHTT của mình. Ngoài ra, Việt Nam còn thất thoát một khoản thuế giữ lại đối với phí chuyển giao.

Tài liệu tham khảo

- [1] Luật Sở hữu trí tuệ năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2009, 2012, 2019.
- [2] Theo Điều 47.2 của Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN, hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN còn được gọi là hợp đồng li-xăng SHCN.
- [3] Theo Điều 48, Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN, Cục SHTT là nơi tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN.
- [4] Nghị định số 63/CP của Chính phủ ngày 24/10/1996 quy định chi tiết về SHCN.
- [5] B. Dutoit et P. Mock, *Le contrôle administratif des contrats de licence et de transfert de technologie*, Librairie Droz SA, Genève, 1993, tr. 3-6.
- [6] Nghị định số 103/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/09/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về SHCN đã được sửa đổi bổ sung bằng Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2010 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về SHCN”.
- [7] Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN đã được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư số 16/2016/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 06 năm 2016 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14 tháng 02 năm 2007”.
- [8] Theo khoản 14, Điều 2, Luật CGCN năm 2017, Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KHCN là cơ sở cung cấp các điều kiện theo quy định của pháp luật về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết phục vụ việc ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KHCN.
- [9] Báo cáo thường niên Hoạt động SHTT năm 2018, xuất bản 9/2019, tr. 94-97.
- [10] N. G. Lương, “Định giá sáng chế trong hoạt động chuyển giao công nghệ ở Việt Nam” (báo cáo tham luận), Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Hội thảo do Bộ KHCN tổ chức năm 2008.
- [11] Luật Chuyển giao Công nghệ năm 2017.
- [12] Lệnh của Hội đồng Nhà nước quy định về Quản lý hoạt động Xuất nhập khẩu Công nghệ của nước CHDCND Trung Hoa được thông qua tại kỳ họp thứ 46 của Hội đồng Nhà nước ngày 31/10/2001 và có hiệu lực ngày 01/01/2002.